

# KHÁI NIỆM TỘI PHẠM - So sánh giữa Bộ luật Hồng Đức và Bộ luật Hình sự hiện nay

*Nguyễn Ngọc Hoà\**

## 1. Về khái niệm tội phạm

Vấn đề đầu tiên mà luật hình sự hiện đại thường đề cập là xác định nội dung của khái niệm tội phạm qua việc định nghĩa khái niệm này. Các định nghĩa tội phạm tuy khác nhau – có định nghĩa là định nghĩa về nội dung và có định nghĩa là định nghĩa về hình thức nhưng đều thể hiện được quan điểm chính thức về tội phạm. Điều 8 Bộ luật Hình sự (BLHS) Việt Nam là điều luật định nghĩa khái niệm tội phạm và là định nghĩa tội phạm về nội dung. Trong Bộ luật Hồng Đức, không có điều luật định nghĩa về khái niệm tội phạm. Qua các điều luật cụ thể có thể khái quát quan niệm của nhà làm luật về tội phạm trong Bộ luật Hồng Đức như sau<sup>1</sup>:

- Nhà làm luật của Bộ luật Hồng Đức quan niệm về tội phạm theo hướng thiên về dấu hiệu hình thức của tội phạm. Biểu hiện rõ nhất của quan niệm này là ở chỗ nhà làm luật đã bắt đầu trong Bộ luật bằng việc quy định tại điều luật đầu tiên 5 loại hình phạt có thể được áp dụng. Trong đó mô tả cụ thể nội dung của 5 loại hình phạt này. Đó là các hình phạt xuy, trượng, đồ, lưu, tử. Tương ứng với năm loại hình phạt này là 5 loại tội được thừa nhận trong Bộ luật. Đó là tội xuy, tội trượng, tội đồ, tội lưu và tử tội. Các quy định tiếp theo của Bộ luật về trách nhiệm hình sự đều dựa theo cách phân loại này. Đó là các điều 4, 5, 14, 15, 16 v.v.. Cách phân loại này không chỉ coi hình phạt là tiêu chí duy nhất để phân biệt giữa các loại tội phạm mà còn gắn tên từng loại tội phạm với chính từng loại hình phạt. Ở đây, trong chừng mực nhất định có thể nói rằng đã có sự đồng nhất giữa tội phạm và hình phạt.

- Dấu hiệu hình thức khác của tội phạm được thừa nhận trong Bộ luật Hồng Đức là dấu hiệu “được quy định trong luật”. Tuy là dấu hiệu hình thức nhưng việc thừa nhận dấu hiệu này đã khẳng định sự hiện diện của nguyên tắc “không có luật thì không có tội” - biểu hiện của nguyên tắc pháp chế trong Bộ luật Hồng Đức. Bộ luật không có điều luật cụ thể quy định trực tiếp về vấn đề này. Nhưng việc quy định xử phạt quan xử án trong trường hợp có hành vi “*tự ý mình xét xử*” (Điều 683)<sup>2</sup> hoặc “*xử án không đúng luật*” (Điều 686)<sup>3</sup> hoặc “... *đã có chính điều, lại tự ý thêm bớt bậy hay viện dẫn điều khác...*” (Điều 722)<sup>4</sup> đã gián tiếp khẳng định dấu hiệu “được quy định trong luật” của tội phạm. Đặc biệt, Điều 685 còn quy định: “*Những sắc chế (của vua) luận tội gì, chỉ là xét xử nhất thời, chứ không phải là sắc lệnh vĩnh viễn, thì không được viện dẫn sắc lệnh ấy mà xử đoán việc sau. Nếu ai viện ra xét xử, không đúng thì khệp vào tội cố ý làm sai luật*”.

- Bộ luật Hồng Đức không có điều luật khẳng định dấu hiệu nội dung của tội phạm như BLHS hiện nay. Nhưng các quy định về tội phạm trong Bộ luật thể hiện rằng tội phạm xâm phạm trước hết đến sự an toàn, bất khả xâm phạm của chế độ quân chủ triều Lê, mà trước hết là sự an toàn của nhà vua và hoàng cung, xâm phạm trật tự, kỷ cương, đạo đức xã hội theo quan điểm nho giáo, xâm phạm tính

<sup>2</sup> Điều 683: “Các quan xử án, trong các bản án, chỗ luận tội phải dẫn đủ chính văn và cách thức của luật lệnh; làm trái thì xử phạt. Tự ý mình xét xử, thì bị biếm một tư. Nếu có thêm bớt thì xử theo luật thêm bớt tội người.”

<sup>3</sup> Điều 686 “... Hình quan xử án không đúng luật, thì bắt tội hình quan...”

<sup>4</sup> Điều 722: “Hình quan định tội danh, chiếu trong luật đã có chính điều, lại tự ý thêm bớt bậy, hay viện dẫn điều khác, để tùy ý xử nặng nhẹ, thì bị xử nặng hơn tội thêm bớt tội người một bậc”.

<sup>1</sup> GS.TS Luật học, Đại học Luật Hà Nội

Bản dịch Bộ luật Hồng Đức được sử dụng cho bài viết này là bản dịch do Nhà xuất bản Pháp lý ấn hành năm 1991.

mạng, sức khỏe, nhân phẩm, tài sản... Đó là những hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ khác nhau. Bộ luật Hồng Đức không phân biệt mức độ của tính nguy hiểm của tội phạm với mức độ của tính nguy hiểm của những hành vi mà theo luật hiện đại chỉ là vi phạm đạo đức hoặc vi phạm hành chính, kỷ luật... Theo Bộ luật Hồng Đức, tất cả các hành vi nói trên đều bị coi là tội phạm, không phụ thuộc vào mức độ của tính nguy hiểm. Như vậy, khái niệm tội phạm trong Bộ luật Hồng Đức rộng hơn nhiều so với khái niệm tội phạm trong BLHS hiện nay. Nhiều hành vi mà theo BLHS hiện nay chỉ có thể là vi phạm đạo đức hoặc vi phạm pháp luật khác đã được quy định trong Bộ luật Hồng Đức là tội phạm. Ví dụ: Điều 130 quy định: “*Có tang ông bà cha mẹ và chồng, mà giấu không khóc thì phải tội đồ làm khao đình...*”; Điều 99 quy định: “*... Người giấu sách vở đem vào trường thì phải phạt 80 trượng...*”... Trong BLHS hiện nay, chỉ hành vi của con người và hành vi đó phải có mức nguy hiểm đáng kể nhất định mới bị coi là tội phạm. Trong khi đó Bộ luật Hồng Đức không những không xét đến mức độ của tính nguy hiểm mà trong một số lĩnh vực cần bảo vệ đặc biệt còn coi là tội phạm ngay khi chủ thể có “*muu*” (ý đồ) phạm tội như muu làm phản (Điều 411), muu giết người (Điều 415)...

- Dấu hiệu lỗi là dấu hiệu của tội phạm được BLHS hiện nay thừa nhận và quy định tương đối cụ thể. Trong Bộ luật Hồng Đức, vấn đề lỗi cũng đã được đặt ra. Tuy nhiên, vấn đề này được đặt ra và giải quyết trong Bộ luật Hồng Đức không như trong BLHS hiện nay. Bộ luật Hồng Đức không đặt vấn đề phân biệt giữa trường hợp có lỗi và phải chịu trách nhiệm hình sự (TNHS) với trường hợp không có lỗi và không phải chịu TNHS. Bộ luật Hồng Đức chỉ đặt vấn đề phân biệt giữa trường hợp cố ý và trường hợp lầm lỡ để xác định mức độ TNHS trong áp dụng cũng như trong việc quy định hình phạt khác nhau ở một số tội phạm cụ thể. Điều 47 quy định chung về vấn đề này như sau: *Những người phạm tội, tuy tên gọi tội giống nhau, nhưng*

*phải phân biệt sự phạm tội vì lầm lỡ hay cố ý, phải xét tội nặng nhẹ mà thêm bớt, không nên câu nệ để hợp với ý nghĩa việc xét xử hình án: “Tha người lầm lỡ không kể tội nặng, bắt tội người cố ý không kể tội nhẹ”.* Từ nguyên tắc chung này, trong các chương quy định về tội phạm cụ thể của Bộ luật Hồng Đức, các hình phạt khác nhau đã được quy định cho trường hợp cố ý và trường hợp lầm lỡ ở một số tội phạm. Ví dụ: Điều 497 quy định: “*Trong khi đánh nhau lỡ đánh lầm phải người xung quanh bị thương hay đến chết, thì xử nhẹ hơn tội đánh chết người một bậc...*”. Do không đặt vấn đề lỗi, nên Bộ luật Hồng Đức cũng không đặt vấn đề chủ thể nói chung cũng như vấn đề năng lực trách nhiệm hình sự (TNHS) nói riêng. Độ tuổi của chủ thể tuy được đặt ra nhưng là nhằm giải quyết vấn đề nhân đạo trong chính sách hình sự. Với mục đích như vậy nên các điều luật đều gộp độ tuổi thấp với độ tuổi cao và với người có sự phát triển không bình thường thành từng cặp để xác định mức độ TNHS. Cụ thể, Điều 16 quy định: “*Những người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống cùng những người bị phế tật, phạm từ tội lưu trở xuống đều cho chuộc bằng tiền, ... Từ 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống cùng những người bị ác tật, phạm tội phản nghịch, giết người đáng phải tội chết thì cũng phải tâu để vua xét định, ăn trộm và đánh người bị thương thì cho chuộc, còn ngoài ra thì không bắt tội. Từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống dẫu có bị tội chết cũng không hành hình ...*”. Mặc dù không quy định có lỗi là dấu hiệu của tội phạm nhưng Bộ luật Hồng Đức cũng đã dự liệu các trường hợp bất khả kháng là những trường hợp không có lỗi và xác định những trường hợp này không bị xử tội. Điều này được thể hiện rõ trong nội dung Điều 182. Đó là: “*... Nếu đường dẽ vũng chắc lại cố gắng giữ gìn, song vì nước lụt quá to, sức người không chống nổi mà dẽ vỡ thì không bị xử tội*”.

- Bộ luật Hồng Đức tuy không phân biệt mức độ của tính nguy hiểm khi xác định tội phạm nhưng khi xác định mức độ TNHS cho tội phạm cụ thể thì vấn đề đó lại được đặt ra.

Căn cứ vào mức độ hình phạt đã được quy định cho các tội và các trường hợp phạm tội của các tội đó chúng ta có thể suy ra quan niệm của nhà làm Bộ luật Hồng Đức về các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hình phạt và nói chung cũng là yếu tố ảnh hưởng đến mức độ nặng nhẹ của tội phạm, hay nói cách khác, là mức độ nguy hiểm của tội phạm. So với quan niệm của luật hình sự hiện đại, quan niệm của các nhà làm Bộ luật Hồng Đức có những điểm giống và khác nhau. Một trong những điểm khác nổi bật là theo Bộ luật Hồng Đức thì quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân xét về địa vị xã hội, địa vị trong dòng họ, gia đình theo lễ giáo phong kiến là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến mức độ nặng nhẹ của tội phạm và từ đó ảnh hưởng đến mức độ hình phạt. Sự ảnh hưởng này tuân theo quy luật: mức độ nguy hiểm của tội phạm tỷ lệ thuận với địa vị của nạn nhân và tỷ lệ nghịch với địa vị của chủ thể của tội phạm. Ở đây, xin nêu một số ví dụ thuộc phạm vi các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ trong chương đạo tặc và chương đầu tặc của Bộ luật Hồng Đức để minh hoạ cho nhận định này. Cùng là mưu giết người nhưng Bộ luật chia thành nhiều trường hợp theo địa vị gia đình, xã hội của nạn nhân. Điều 415 quy định: “*Những kẻ mưu giết người, thì xử tội lưu đi châu gần...*”; Điều 416 quy định: “*Những kẻ mưu giết những bậc tôn trưởng vào hạng cơ thân<sup>5</sup>, ông bà ngoại, chồng và ông bà, cha mẹ chồng, đều phải tội chém...*”; Điều 417 quy định: “*Nô tỳ mà mưu giết chủ, thì đều phải tội chém...*”. Tương tự như vậy, tội đánh người cũng được chia thành nhiều trường hợp tùy thuộc vào địa vị xã hội, gia đình của người phạm tội cũng như của nạn nhân. Điều 472 quy định: “*Đánh quan nhị phẩm, kẻ đánh nếu là ngang phẩm hàm thì xử biếm hai tư; kém một bậc thì xử biếm ba tư;... không có quan chức thì xử tội lưu;...*”; Điều 481 quy định: “*Vợ đánh chồng thì xử lưu đi châu ngoài, đánh bị thương, què gãy thì lưu đi châu*

*xa...Vợ lẽ mà phạm tội trên, thì xử nặng hơn một bậc...Nếu vợ lẽ mà đánh vợ cả thì cũng xử như tội đánh chồng.*”; Điều 482 quy định: “*Chồng đánh vợ bị thương, thì xử nhẹ hơn tội đánh bị thương người thường ba bậc...Đánh vợ lẽ bị thương, què trở lên thì đều xử nhẹ hơn tội đánh vợ hai bậc...*”<sup>6</sup> v.v..

Cùng với nguyên tắc trên đây nguyên tắc khác được thể hiện trong Bộ luật Hồng Đức mà theo tác giả hai nguyên tắc này dễ nhầm với nhau. Đó là nguyên tắc: Chức quyền hay lợi dụng chức quyền của chủ thể làm tăng tính nguy hiểm của tội phạm. Ví dụ: Điều 470 khi quy định tội đánh người bị thương mà chủ thể có lợi dụng uy quyền thế lực đã xác định trường hợp này phải xử nặng hơn đánh người bị thương bình thường hai bậc. Tương tự như vậy, Điều 513 quy định: “*Kẻ xui giục người kiện tụng, cùng là làm hộ đơn vụ cáo cho người, thì xử tội nhẹ hơn người phạm tội một bậc. Viên ngục lại mà xui giục người đi kiện hay làm đơn thay, thì xử tội nặng hơn một bậc.*”...

Ngoài sự khác nhau như đã nêu, trong Bộ luật Hồng Đức, mức độ của tính nguy hiểm của tội phạm được quan niệm tương tự như trong luật hình sự hiện đại. Theo đó, các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ của tính nguy hiểm của tội phạm có thể là:

+ Tính chất quan trọng của đối tượng cần bảo vệ: So sánh với luật hình sự hiện đại, diện các đối tượng được Bộ luật Hồng Đức bảo vệ và quan niệm về tính chất quan trọng của các đối tượng này có những điểm khác. Tuy nhiên, cũng như luật hình sự hiện đại, Bộ luật Hồng Đức đã coi tầm quan trọng của đối tượng cần bảo vệ là một yếu tố ảnh hưởng đến mức độ nghiêm trọng của tội phạm. Ví dụ: Khi quy định về tội tiết lộ bí mật, Bộ luật Hồng Đức đã căn cứ vào tầm quan trọng của các loại bí mật để xác định mức độ hình phạt cho từng trường hợp phạm tội. Cụ thể, Điều

<sup>5</sup> Những người họ hàng thân thích mà kẻ phạm tội phải để tang 1 năm.

<sup>6</sup> Cần phân biệt đánh người với đánh người bị thương. Vợ đánh chồng chưa bị thương cũng đã bị coi là phạm tội theo Điều 481 nêu trên. Còn chồng đánh vợ mà chưa bị thương thì không bị coi là tội phạm mà chỉ bị coi là tội phạm khi đã làm bị thương...

116 Quy định: “*Những người tiết lộ những việc đại sự cần giữ bí mật, thì xử tội chém (đại sự như là việc mưu kín để đánh giặc cùng bất những kẻ mưu phản v.v.); không phải việc đại sự cần giữ bí mật, thì xử phạt 70 trượng, biếm ba tư. Tiết lộ những việc bàn trong điện đình cần giữ bí mật, thì xử tội lưu...*”

+ Mức độ vi phạm. Ví dụ: Điều 138 khi quy định mức xử phạt tội nhận hối lộ đã căn cứ vào mức độ nhận (mức độ giá trị của hối lộ). Cụ thể, điều luật này quy định: “*Quan ty làm trái pháp luật mà ăn hối lộ từ 1 quan đến 9 quan thì xử tội biếm hay bãi chức, từ 10 quan đến 19 quan thì xử tội đồ hay lưu, từ 20 quan trở lên thì xử tội chém...*”

+ Mức độ hậu quả của tội phạm. Ví dụ: Điều 466 khi quy định tội gây thương tích đã phân biệt nhiều trường hợp với hậu quả thương tích cụ thể khác nhau để có mức xử phạt khác nhau. Cụ thể: “*...Đánh gãy 2 răng, 2 ngón tay trở lên, thì xử tội đồ...; đánh gãy chân, tay, mù một mắt, thì phải tội lưu đi châu xa...*”

+ Nội dung lỗi. Đây là yếu tố được khẳng định trực tiếp trong một điều luật riêng trong Bộ luật Hồng Đức như đã trình bày ở phần trên. Với khẳng định phải phân biệt sự phạm tội vì lầm lỡ hay cố ý, Điều 47 của Bộ luật Hồng Đức được xem như là một nguyên tắc không chỉ trong việc áp dụng mà ngay trong việc xây dựng các phần tiếp theo của Bộ luật.

+ Động cơ phạm tội. Ví dụ: Điều 485 khi quy định trường hợp đánh người vì bệnh ông bà cha mẹ bị người ta đánh đã xác định rõ động cơ là tình tiết ảnh hưởng đến tính nguy hiểm của hành vi. Cụ thể, Điều luật quy định: “*Ông bà cha mẹ bị người ta đánh, con cháu đánh lại mà không bị què gãy, bị thương, thì không phải tội; bị thương què thì phải tội kém tội đánh bị thương người thường ba bậc; đánh chết người thì bị tội nhẹ hơn luật thường một bậc.*” Tương tự như vậy, Điều 140 khi quy định tội đưa hối lộ cũng đã khẳng định điều này: “*Những người đưa hối lộ mà xét ra việc của họ có trái lẽ, thì theo việc của họ mà định tội. Còn người nào thật oan khổ vì muốn cho khỏi tội mà hối lộ thì được giảm tội...*”

## **2. Về phân loại tội phạm**

Vấn đề phân loại tội phạm là vấn đề được đặt ra trong BLHS hiện nay như một đòi hỏi cần thiết cho việc phân hoá trách nhiệm hình sự trong luật cũng như trong áp dụng luật. Theo đó, tội phạm được phân thành bốn loại dựa trên mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội. Trong Bộ luật Hồng Đức, vấn đề phân hoá tội phạm cũng đã được đặt ra. Trong chương danh lệ (được xem như là phần chung của Bộ luật), tội phạm được phân theo ba tiêu chí nhưng đều nhằm cùng mục đích tạo cơ sở pháp lý cho việc phân hoá trách nhiệm hình sự trong xây dựng các điều luật về tội phạm cụ thể cũng như trong áp dụng luật. Ba cách phân loại đó là:

- Cách phân loại thứ nhất: Tội phạm được phân thành 5 loại theo 5 loại hình phạt (suy, trượng, đồ, lưu và tử);

- Cách phân loại thứ hai: Tội phạm được phân thành 2 loại theo tính chất nghiêm trọng là tội thập ác và tội thường;

- Cách phân loại thứ ba: Tội phạm được phân thành 2 loại theo lỗi của chủ thể là tội do cố ý và tội do lầm lỡ (tương đương với tội cố ý và tội vô ý theo luật hình sự hiện đại).

Về cách phân loại thứ nhất: Đây là cách phân loại tội phạm theo loại hình phạt được quy định cho tội đó. Trong luật hình sự hiện hành của chúng ta hiện nay, mức hình phạt được quy định cho tội phạm cũng được coi là một dấu hiệu phân biệt các loại tội phạm. Tuy nhiên, về vấn đề này vẫn có sự khác nhau giữa Bộ luật Hồng Đức và BLHS hiện hành. Trong BLHS, mức cao nhất của khung hình phạt (chứ không phải loại hình phạt cụ thể như trong Bộ luật Hồng Đức) là tiêu chí để phân biệt giữa 4 loại tội trong áp dụng luật. 4 loại tội đó, xét về nội dung có sự khác nhau về mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội<sup>7</sup>. Chính vì vậy, tên của từng loại tội được gắn với mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội

<sup>7</sup> Theo Điều 8 BLHS Việt Nam năm 1999 tội phạm được phân thành 4 loại tương ứng với 4 mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội (nguy hại không lớn, nguy hại lớn, nguy hại rất lớn và nguy hại đặc biệt lớn) và tương ứng với 4 mức cao nhất của khung hình phạt...

tương ứng. Trong khi đó, tên 5 loại tội trong Bộ luật Hồng Đức gắn với 5 loại hình phạt cụ thể. Nhiều điều luật của Bộ luật Hồng Đức đã được xây dựng dựa trên sự phân loại tội phạm này. Ví dụ: Điều 4 khi quy định về việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho đối tượng phạm tội thuộc diện “bất nghi”<sup>8</sup> đã phân biệt giữa trường hợp phạm tử tội với các trường hợp phạm tội khác. Cụ thể, Điều 4 quy định: *“Phạm những người thuộc vào tám điều nghị xét giảm tội trên này, mà phạm vào tử tội, thì các quan nghị án phải khai rõ tội trạng và hình phạt nên xử thế nào, làm thành bản tâu, dâng lên vua để vua xét định... Từ tội lưu trở xuống thì được giảm một bậc...”* Ngoài ra, một số điều luật khi quy định tội phạm cụ thể cũng dựa trên sự phân loại tội phạm này. Ví dụ: Điều 131 quy định: *“Ông bà cha mẹ và chồng bị tội tử hình còn đang phải giam, mà con cháu hay vợ lại đàn hát thì xử biếm hai tư”*.

Về cách phân loại thứ hai: Đây thực ra không phải là cách phân loại trực tiếp tội phạm mà chỉ là kết quả gián tiếp của việc liệt kê 10 loại tội được xem là nguy hiểm nhất đối với chế độ quân chủ cũng như đối với trật tự, kỷ cương, đạo đức xã hội. 10 loại tội phạm này được quy định tại Điều 2 với tên gọi là Mười tội ác (thập ác). Với việc quy định này tội phạm đã được phân thành 2 loại - loại tội thập ác và loại tội thường. Loại tội thập ác được quy định tại Điều 2 bao gồm 10 nhóm tội khác nhau. Đó là nhóm mưu phản, nhóm mưu đại nghịch, nhóm mưu chống đối, nhóm ác nghịch, nhóm bất đạo, nhóm đại bất kính, nhóm bất hiếu, nhóm bất mục, nhóm bất nghĩa và nhóm nội loạn. Do tính chất nguy hiểm đặc biệt của tội thập ác nên Bộ luật Hồng Đức thể hiện thái độ trừng trị nghiêm khắc của nhà nước đối với loại tội này. Một trong những biểu hiện đó là việc Bộ luật có những quy định loại trừ không cho người phạm tội thập ác được hưởng các chế độ miễn giảm trách nhiệm hình sự như khi phạm các

tội thường. Ví dụ: Điều 4 khi quy định việc miễn giảm cho người thuộc diện bất nghi (tám loại người được giảm tội)<sup>9</sup> đã khẳng định *“...nếu phạm tội thập ác thì không theo luật này.”*; tương tự như vậy, các điều 14, 18 khi quy định về việc miễn giảm cho những trường hợp cụ thể đã loại trừ trường hợp phạm tội thập ác. Ngoài ra, Điều 11 còn quy định: *“Những kẻ phạm tội ác nghịch thì dầu có dịp ân xá cũng không được ân xá.”*. Cùng với các quy định chung như vậy, các quy định về các tội cụ thể thuộc loại tội thập ác cũng thể hiện thái độ trừng trị nghiêm khắc của Nhà nước đối với tội thập ác.

Về cách phân loại thứ ba: Bộ luật Hồng Đức không quy định nội dung của lỗi cố ý cũng như lỗi do lầm lỡ (vô ý) đồng thời cũng không quy định tội cố ý và tội vô ý riêng rẽ khi quy định các tội phạm cụ thể. Nhưng khi quy định nguyên tắc chung thì Bộ luật Hồng Đức lại khẳng định rất rõ quan điểm xử phạt phải phân biệt giữa tội cố ý và tội vô ý (Điều 47). Quan điểm này được quán triệt ngay khi xây dựng các điều luật về tội phạm cụ thể. Ví dụ: Điều 498 đã khẳng định tội vô ý gây thương tích hay vô ý làm chết người bị xử nhẹ hơn tội cố ý tương ứng khi quy định: *“Vì chơi đùa mà làm người khác bị thương hay chết, thì xử nhẹ hơn tội đánh bị thương hay chết người hai bậc...”*. Quan điểm này đồng thời cũng là quan điểm chỉ đạo các cơ quan xét xử trong việc áp dụng luật, đặc biệt khi xét xử các tội phạm mà luật chưa phân hoá hình phạt cho trường hợp cố ý và trường hợp vô ý.

Ngoài ba cách phân loại tội phạm trên đây, chúng ta cũng phải thừa nhận cách phân loại thứ tư. Đó là cách phân loại tội phạm theo các chương của Bộ luật Hồng Đức. Bộ luật Hồng Đức gồm 13 chương, trong đó có 1 chương được xem như là phần chung của Bộ luật. 12 chương còn lại có thể được xem như là phần riêng của Bộ luật quy định 12 nhóm tội phạm khác nhau.

<sup>8</sup> 8 đối tượng được Bộ luật Hồng Đức quy định là được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi phạm tội (xem Điều 3).

<sup>9</sup> Xem Điều 3 Bộ luật Hồng Đức.